

Phó phòng phân tích

Ngô Thế Hiển

Hien.nth@shs.com.vn

Khuyến nghị:

KHẢ QUAN

Giá hiện tại (30/01/2026): 84.000 VND

Thông số cơ bản:

Vốn hóa (tỷ VND):	121.601
Số lượng CP lưu hành:	1.445.915.457
KLCP đang niêm yết:	1.445.915.457
KLGD TB 60 phiên (CP):	11.052.650
Giá thấp 52w:	50.300
Giá cao 52W:	94.000
Sở hữu NĐT nước ngoài:	22,53%
Free-float:	51,27%

Diễn biến giá cổ phiếu



(Tỷ VND)	2023	2024	2025
Tổng tài sản	147.383	147.585	128.963
VCSH	26.560	30.242	45.078
Doanh thu	78.252	83.178	81.621
LNST	1.870	4.272	6.763
ROE	1,59%	7,04%	12,53%
ROA	0,29%	1,36%	2,97%
EPS (VND)	293	1.345	2.710
BVPS (VND)	18.562	19.989	23.248
P/B (x)	4,5	4,2	3,6
P/E (x)	286	62,5	31

Nguồn: SHS Research, FiinProX

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH 2025

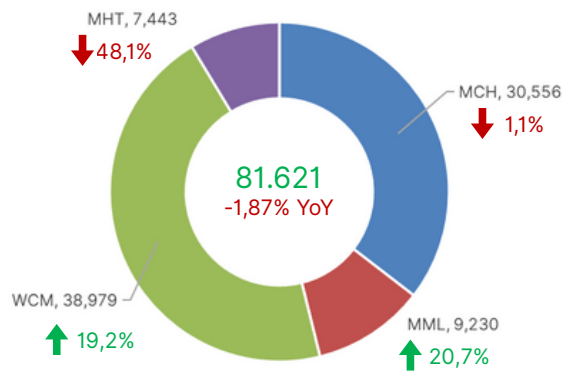
Doanh thu giảm nhưng lợi nhuận đạt cao nhất 4 năm.

Chúng tôi đang xem xét lại các yếu tố trong mô hình định giá, tiếp tục duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN đối với mã cổ phiếu MSN.

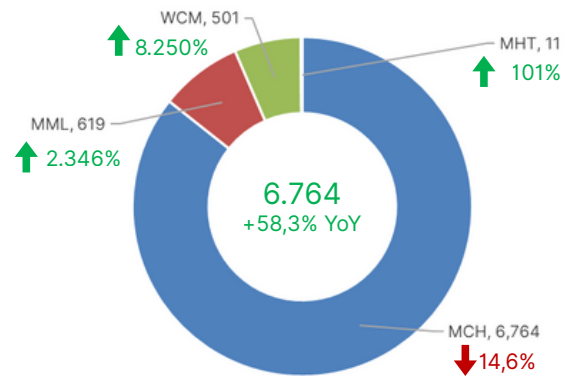
- Doanh thu quý 4 đạt 23.245 tỷ đồng (+2,4% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 2.295 tỷ đồng (+48,4% YoY).
- Lũy kế cả năm 2025, doanh thu của MSN đạt 81.621 tỷ đồng (-1,87% YoY) chủ yếu do tác động từ việc loại bỏ phần doanh thu của HCS ra khỏi báo cáo của Masan Resources (MHT) sau khi thoái vốn, bên cạnh đó là sự giảm nhẹ (-1,1%) của Masan Consumer (MCH) do tác động từ việc tái cấu trúc lại hệ thống phân phối.
- Lợi nhuận sau thuế của công ty ghi nhận 6.764 tỷ đồng (+58,3% YoY) đến từ việc các công ty thành viên ghi nhận lãi tăng mạnh như MML, WCM hay không còn chịu lỗ lớn như MHT bù đắp cho phần suy giảm lợi nhuận từ MCH. Phần lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết bao gồm TCB tăng 14,3% so với năm 2024. Lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 4.108 tỷ đồng, tăng 105,5% so với 2024, EPS đạt 2.710 đồng (+101%).
- Mảng kinh doanh hàng tiêu dùng sau khi triển khai Retail Supreme trên toàn quốc từ quý 4 đã tăng tốc độ ra mắt nhiều sản phẩm mới ở cả phân khúc cao cấp và trung bình mang lại các tín hiệu tích cực cho mùa cao điểm Tết.
- Hệ thống mạng lưới siêu thị của WinCommerce tiếp tục được mở rộng mạnh tại miền Trung và miền Bắc với tổng cộng 764 cửa hàng tăng thêm, đặc biệt tại khu vực tiềm năng là các vùng nông thôn, qua đó tiếp tục củng cố vị thế hàng đầu tại mảng bán lẻ.
- Tổng nợ vay của MSN tại thời điểm cuối năm 2025 là 64.877 tỷ đồng, -1% so với đầu năm và tương ứng 44,4% tổng nguồn vốn (giảm so với 47,2% năm 2024). Trong năm 2025 việc gia hạn và điều chỉnh giảm lãi suất các khoản vay, đã giúp MSN giảm 15,4% chi phí lãi vay tương ứng với -986 tỷ đồng so với năm 2024. Tỷ lệ nợ ròng/EBITDA của MSN tiếp tục xu hướng giảm từ mức 3,9x (Q4/2023) xuống 2,9x (Q4/2024) và 2,74 (Q4/2025), dưới mức mục tiêu 3,5x của Công ty. Hệ số EBIT/ Lãi vay cũng có sự cải thiện đáng kể từ mức 0,6x (2023) lên 1,41x (2025).

I. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA MSN:

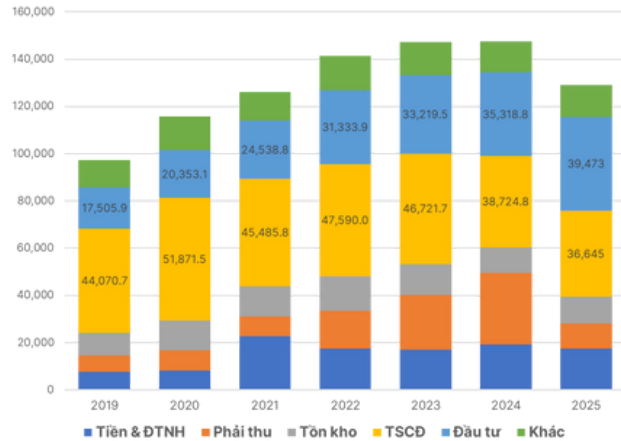
Cơ cấu doanh thu 2025 (tỷ VND)



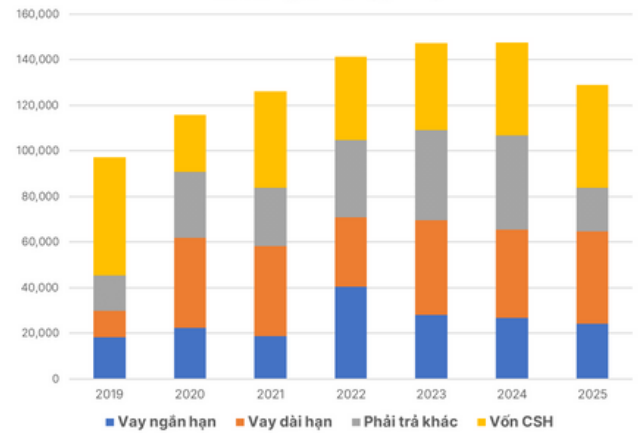
Cơ cấu lãi sau thuế 2025 (tỷ VND)



Cơ cấu tài sản (Tỷ VND)



Cơ cấu nguồn vốn (tỷ VND)



Kế hoạch KQKD 2026 (tỷ VND)

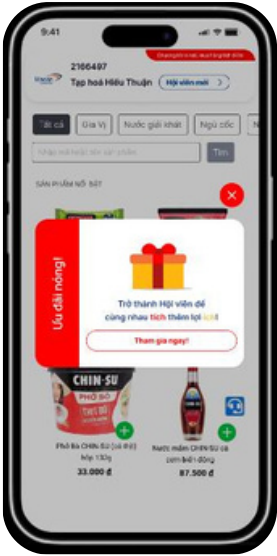
	2025	2025/2024	2026 KH		2026/2025	
			Kịch bản thấp	Kịch bản cao	Kịch bản thấp	Kịch bản cao
Doanh thu	81,621	87%	93,5	98	15%	20%
WCM	38,979	183%	45	47	15%	21%
MCH	30,557	-11%	33,8	35	11%	15%
MML	9,23	207%	10,1	10,5	9%	14%
PLH	1,891	167%	2,3	2,5	22%	32%
MHT	7,443	188%	11,9	12,5	60%	68%
EBITDA	17,274	103%	19,8	20,7	15%	20%
WCM	1,793	381%	2,383	2,668	33%	50%
MCH	8,005	-39%	8,71	9,12	9%	14%
MML	976	508%	818	837	-16%	-14%
PLH	354	221%	370	418	5%	18%
MHT	2,171	423%	2,898	3,152	33%	45%
LNST trước cổ đông thiểu số	6,764	583%	7,25	7,9	7%	17%

(1) Loại trừ đóng góp của H.C. Stark ("HCS") trong năm 2024 để so sánh tương đồng với số liệu năm 2025.

Lộ trình triển khai Digital 4P

Hoàn tất	4Q24 – 1Q26	2026 – 2027
Phủ trực tiếp = Kết nối trực tiếp với người bán lẻ	Hiện đại hóa cửa hàng truyền thống = Nền tảng bán lẻ số hóa	Số hóa ngành tiêu dùng Việt Nam = Hội viên WCM + Hội viên GT

Nền tảng số dành cho nhà bán lẻ kênh GT



Bao phủ

Phủ dày

Bày đẹp

Mục tiêu phủ điểm bán (ASO) toàn quốc trong năm 2026

Tất cả ngành hàng

Đảm bảo các nhà bán lẻ kinh doanh đầy đủ danh mục sản phẩm của Masan, thông qua chương trình hội viên được áp dụng cho nhà bán lẻ từ 11/2025

- Chuẩn hóa trưng bày theo sơ đồ bố trí kệ hàng
- Tiếp thị người mua hàng (shopper marketing)
- Chấm điểm bằng AI

Kết quả 2025 ▶ Mục tiêu 2026

500k ▶ **1 triệu**

ASO kênh off-premise & on-premise; **tất cả các nhà bán lẻ sẽ được định danh và tích hợp** vào hệ thống bán hàng của Masan

250k ▶ **350.000**

Các nhà bán lẻ mở rộng danh mục sản phẩm Masan bằng cách **bổ sung từ 1 danh mục trở lên và từ 3 SKU trở lên**

100k ▶ **400.000**

Kệ trưng bày tại điểm bán (POS) và **100% nhà bán lẻ tham gia tích cực**

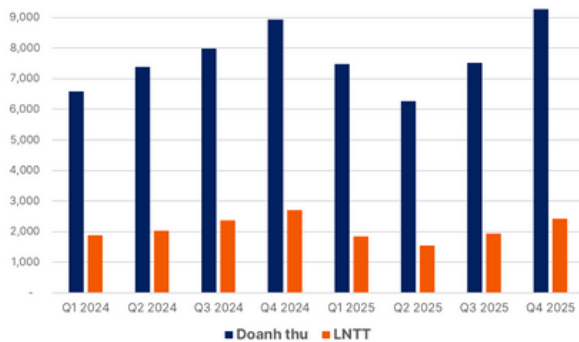
Chương trình thành viên mới đã thúc đẩy doanh số bán ra (sell-out) tăng 12% trong tháng 12/2025

(1) Loại trừ đóng góp của H.C. Stark ("HCS") trong năm 2024 để so sánh tương đồng với số liệu năm 2025.

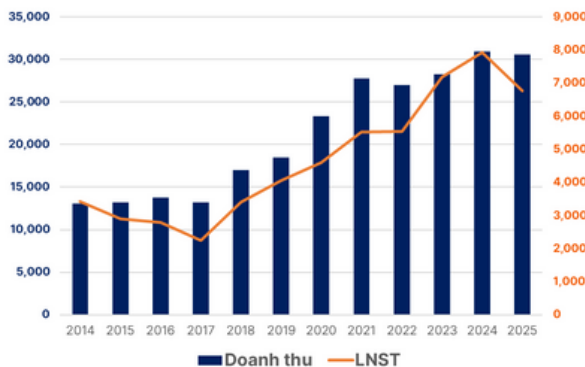
II. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN:

Masan Consumer (MCH)

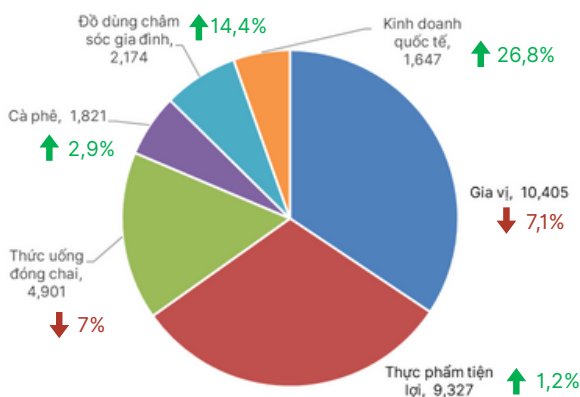
Kết quả kinh doanh theo quý (tỷ VND)



Kết quả kinh doanh theo năm (tỷ VND)

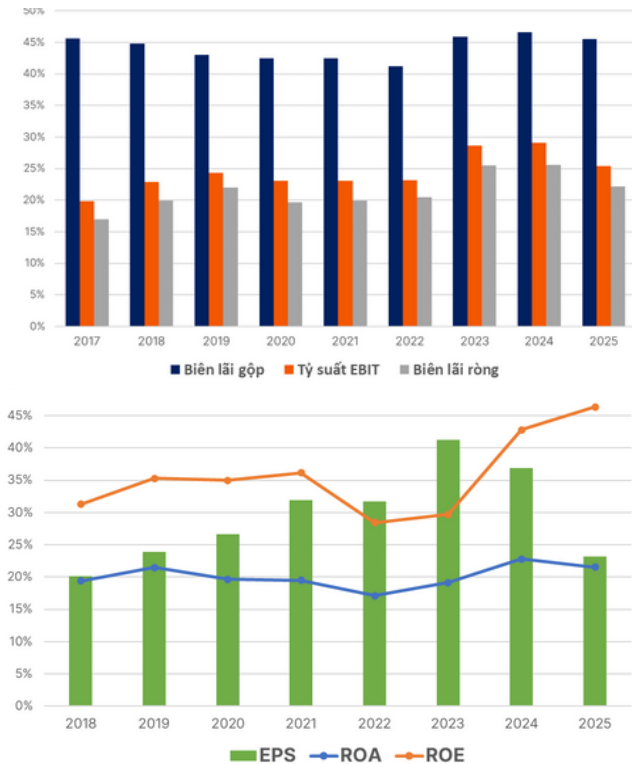


Cơ cấu doanh thu năm 2025 của MCH



Nguồn: MSN

- Doanh thu Quý 4 ghi nhận +3,7% YoY sau 2 quý giảm liên tiếp, đạt 9.275 tỷ đồng, lãi trước thuế đạt 2.433 tỷ đồng (-10% YoY), tương ứng biên lãi 26,2%. Công ty đã thực hiện triển khai trên toàn quốc sáng kiến Retail Supreme để tái cấu trúc hệ thống, theo đó số lượng điểm bán bao phủ tăng 65% lên 413.000 điểm vào cuối năm 2025, tỷ trọng kênh bán sỉ giảm từ 60% xuống còn 33%, số lượng SKU/đơn hàng cũng tăng 70% lên 4.
- Tính cả năm 2025, MCH ghi nhận 30.556 tỷ đồng doanh thu (-1,1% YoY). Biên lãi gộp giảm nhẹ từ 46,6% xuống 45,5% do công ty tăng chi phí R&D và marketing cho các sản phẩm mới (tổng cộng có 8 sản phẩm và mới ra mắt Q4/2025). Doanh thu tài chính -39% YoY do cuối năm 2024 MCH đã chi trả 6.884 tỷ đồng cổ tức (tỷ lệ 95%) qua đó lãi từ tiền gửi giảm 54,5% trong khi chi phí lãi vay tăng 51% khiến chi phí tài chính tăng 47%. Lợi nhuận sau thuế do vậy đạt 6.764 tỷ đồng (-14,6% YoY), lãi cho cổ đông công ty mẹ là 6.667 tỷ đồng (-14,6% YoY), EPS đạt 5.557 đồng.
- Ngành Gia vị** tiếp tục giữ vai trò trụ cột trong năm 2025, chiếm 34% doanh thu của MCH và tốc độ suy giảm chậm dần qua từng quý. Sản phẩm mới nước mắm Chinsu 365 ngày ủ chượp 40 độ đậm hiện không đủ hàng để đáp ứng nhu cầu, bên cạnh sản phẩm Nam Ngư đặc sản vùng miền với bao bì sang trọng được ra mắt trong định hướng "Premiumizatin" của MCH. **Ngành Đồ uống** chịu tác động của xu hướng suy giảm tiêu dùng ghi nhận doanh thu -7%YoY năm 2025. **Ngành HPC** tăng trưởng mạnh trong Quý 4 và cả năm, lần lượt +18,9% và +14,3%, tuy nhiên thấp hơn kỳ vọng của MCH (+50%-70%). Sản phẩm nước giặt Homey mới ra mắt cùng với Chante chiếm 40% thị phần tại Wincommerce, củng cố vị trí thứ 3 thị trường tại ngành hàng này của MCH. **Ngành Cà phê** tăng mạnh biên lãi gộp từ 27,4% năm 2024 lên 31,6% năm 2025 nhờ giá tăng. Các sản phẩm mới Wakeup Tây Nguyên mới và Vinacafe Fine Robusta đang cho thấy những tín hiệu tích cực. **Ngành thực phẩm tiện lợi** doanh thu Quý 4 tăng 19,1% nhờ nhãn hàng Omachi tăng 42,8% và cả năm 2025 nhãn hàng này +16,1% YoY, đóng góp 53% doanh thu toàn ngành hàng với sản phẩm mới Omachi thần ớt và chương trình Tiếng trống hội xuân. Nhãn hiệu Kokomi được thay đổi nhận diện và đưa ra sản phẩm mới Kokomi 75 để cạnh tranh trong phân khúc trung cấp. Doanh thu xuất khẩu của MCH năm 2025 đạt 1.647 tỷ đồng doanh thu (+ 26,8% YoY).



Các sản phẩm mới của MCH năm 2025

Gia vị



Thực phẩm tiện lợi



Đồ uống

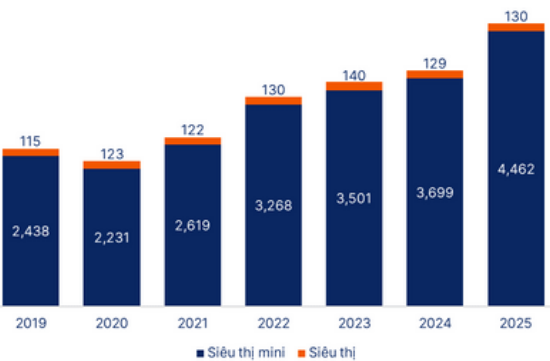


Chăm sóc gia đình và cá nhân



Nguồn: MSN, SHS tổng hợp

Tăng trưởng số lượng điểm bán WCM



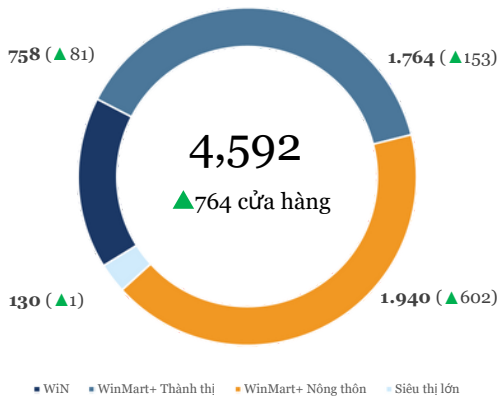
Nguồn: MSN, SHS tổng hợp

WinCommerce (WCM)

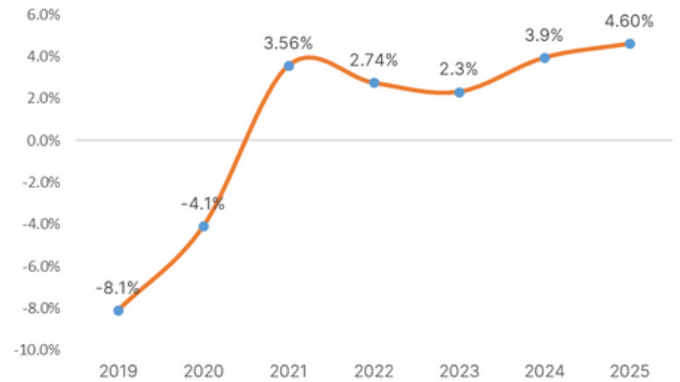
- Năm 2025, WCM ghi nhận doanh thu +18,3%, đạt 38.979 tỷ đồng, các chỉ số hiệu quả như biên lãi gộp, biên EBITDA đều được cải thiện qua đó giúp lãi sau thuế tăng mạnh từ mức 6 tỷ đồng năm 2024 lên 501 tỷ đồng.
- Tổng số cửa hàng mở mới năm 2025 đạt 764 cửa hàng, qua đó tăng tổng số cửa hàng trên toàn quốc lên 4.592 cửa hàng trong đó chủ yếu tập trung vào mô hình cửa hàng nhỏ (WinMart+) và tại nông thôn miền Trung và miền Bắc. Tốc độ tăng trưởng doanh thu LFL của toàn hệ thống năm 2025 đạt 9% so với mức 7,5% năm 2024 và tăng dần qua từng quý trong đó siêu thị mini đạt 9,7% và siêu thị lớn là 7,5%. Trong năm 2025, công ty đã thực hiện cải tiến lại >40 siêu thị lớn qua đó tạo ra sự tăng trưởng 25% về doanh thu và 3% biên lãi EBIT của các cửa hàng này đặc biệt tại khu vực phía Nam và dự kiến sẽ tiếp tục triển khai hoạt động này đối với số lượng các siêu thị lớn còn lại năm 2026.



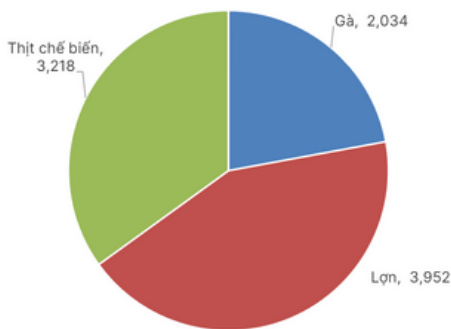
Các mô hình cửa hàng bán lẻ của WCM



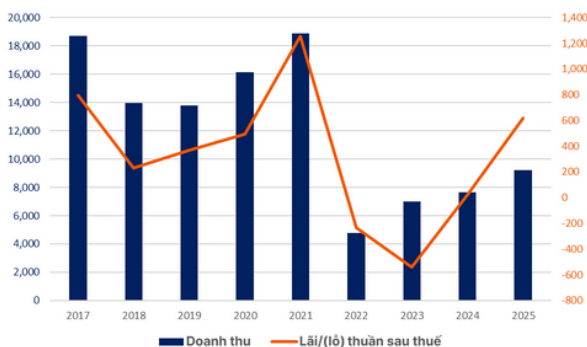
Biên EBITDA của WCM



Cơ cấu doanh thu MML 2025 (Tỷ đồng)



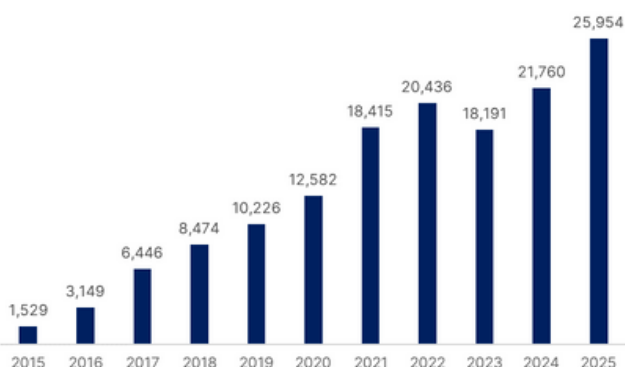
Kết quả kinh doanh của MML (Tỷ đồng)



Phúc Long Heritage (PLH):

- Doanh thu tăng 16,7% YoY, đạt 1.891 tỷ đồng nhờ doanh thu bán hàng thực phẩm (bánh mì, bánh ngọt, kem, sữa chua) tăng 39,5%, doanh thu trung bình ngày/cửa hàng tăng 6%. Trong năm 2025 PLH mở mới 19 cửa hàng ngoài hệ thống WCM, nâng tổng số cửa hàng lên 202 cửa hàng trên toàn quốc. Lãi sau thuế đạt 195 tỷ đồng, +57,2% YoY. Dự kiến năm 2026 PLH sẽ mở mới 40 cửa hàng.

Kết quả kinh doanh của TCB (Tỷ đồng)



Ngân hàng TMCP Kỹ Thương (Techcombank):

- Phần lợi nhuận của MSN từ năm 2025 đạt 4.997 tỷ đồng, +15,3% YoY. Năm 2025 TCB đạt 53,4 nghìn tỷ đồng tổng thu nhập hoạt động trong đó thu nhập lãi thuần đạt 38,2 nghìn tỷ đồng (+7,5% YoY), thu nhập từ dịch vụ đạt 11,5 nghìn tỷ đồng (+7,8% YoY). Tăng trưởng tín dụng đạt 18,36%, tiền gửi của khách hàng tăng 17,9% trong đó CASA đạt 40,4%. Tỷ lệ nợ xấu là 1,13%, bao phủ nợ xấu đạt 127,9%, CAR đạt 14,6%.

PHỤ LỤC 3

Bảng cân đối kế toán				
(tỷ VND)	2023A	2024A	2025A	2026F
Tài sản ngắn hạn	43,763	53,570	36.234	62,545
Tiền/tương đương tiền	10,125	18,618	12.101	21,227
Đầu tư ngắn hạn	6,795	608	5.379	723
Các khoản phải thu	11,985	21,865	5.639	26,007
Hàng tồn kho	13,175	10,787	11.262	14,009
Tài sản khác	1,684	1,692	1.853	578
Tài sản dài hạn	103,620	94,015	92.729	104,921
Tài sản cố định	42,886	37,050	35.484	34,263
Đầu tư dài hạn	33,219	35,319	39.473	45,999
Xây dựng cơ bản dở dang	3,127	1,671	1.161	1,671
Tài sản khác	24,387	19,976	16.609	22,988
Tổng tài sản	147,383	147,585	128.964	167,466
Nợ ngắn hạn	50,423	58,712	40.257	66,798
Phải trả ngắn hạn	6,318	7,171	8.362	8,259
Người mua trả tiền trước	862	197	283	662
Vay nợ ngắn hạn	28,030	26,724	5.265	33,614
Nợ ngắn hạn khác	15,212	24,620	26.347	24,263
Nợ dài hạn	58,724	48,120	43.627	46,669
Vay nợ dài hạn	41,542	38,825	40.546	34,542
Nợ dài hạn khác	17,182	9,295	3.081	12,127
Tổng nợ phải trả	109,146	106,832	83.884	113,467
Vốn chủ sở hữu	26,560	30,242	45.078	36,480
Vốn góp	14,308	15,129	15,205	15,205
Thặng dư vốn cổ phần	8,723	14,165	14,165	14,165
Lợi nhuận giữ lại	11,798	9,327	14.355	15,490
Vốn khác	-8,270	-8,379	-8,379	-8,379
Lợi ích cổ đông thiểu số	11,678	10,510	9.730	17,518
Tổng nợ và vốn CSH	147,383	147,585	128.964	167,466

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
(tỷ VND)	2023A	2024A	2025A	2026F
LCTT từ HĐ kinh doanh	500	9,525	1.369	11,947
LCTT từ HĐ đầu tư	-7,824	-10,694	16.899	-11,014
LCTT từ HĐ tài chính	3,546	9,672	-24.783	1,837
LCTT trong kỳ	-3,777	8,504	-6.515	2,770
Tiền/tương đương tiền đầu kỳ	13,853	10,125	18.628	12.101
Tiền/tương đương tiền cuối kỳ	10,076	18,628	12.101	21,227

Báo cáo kết quả kinh doanh				
(tỷ VND)	2023A	2024A	2025A	2026F
Doanh thu	78,252	83,178	81.621	98,938
Giá vốn hàng bán	56,131	58,522	56.040	69,706
Lợi nhuận gộp	22,121	24,656	25.580	29,232
Chi phí BH và QLDN	17,942	17,942	17.915	19,411
Lợi nhuận hoạt động	4,179	6,173	7.665	7,401
Doanh thu tài chính	2,405	4,044	2.094	2,915
Chi phí tài chính	8,130	7,900	6.916	7,090
Lợi nhuận khác	213	-736	-34	663
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	3,896.0	4,443.8	5.080	5,713.1
Lợi nhuận trước thuế	2,563	6,025	7.888	8,740
Thuế TNDN	693	1,752	1.037	1,450
Lợi nhuận sau thuế	1,870	4,272	6.763	7,290
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,451	2,273	2.655	3,879
LNST của cty mẹ	419	1,999	4.108	3,411
% Biên LNST	2.4%	5.1%	8.3%	7.4%
EPS (VND)	292	1.345	2.702	2,243

Các chỉ số tài chính				
(tỷ VND)	2023A	2024A	2025A	2026F
Chỉ số định giá				
SLCP lưu hành (triệu cp)	1,431	1,513	1,520	1,520
EPS (VND)	292	1.345	2.702	2,243
Chỉ số sinh lời				
Biên LN gộp	28.3%	29.6%	31.3%	29.5%
Biên LN ròng	2.4%	5.1%	8.3%	3.4%
ROE	1.6%	7.04%	12.5%	9.8%
ROA	0.29%	1.36%	2.9%	4.5%

Chỉ số đòn bẩy (lần)				
EBITDA / lãi vay	1.2	1.6	2.05	2.2
Tỷ số nợ vay/tổng tài sản	47%	44%	50%	41%
Tỷ số nợ vay/VCSH	1.82	1.61	1.42	1.26
H.số TT hiện hành	0.9	0.9	0.9	0.9
H.số thanh toán nhanh	0.6	0.7	0.6	0.7

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ

Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 20% trở lên trong khoảng thời gian 12 tháng

Khả quan: Kỳ vọng tăng giá từ 10% - 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá đến 10% trong khoảng thời gian 12 tháng

Kém khả quan: Kỳ vọng giảm giá đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

Hạ tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá 20% trở lên trong khoảng thời gian 12 tháng

Cần lưu ý: Đây là những mã cổ phiếu có những thông tin bất thường hay có giao dịch bất thường... có ảnh hưởng trọng yếu đến doanh nghiệp. (Mục tiêu cung cấp thông tin cho nhà đầu tư)

Không khuyến nghị: Bộ phận nghiên cứu đang hoặc sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do chủ quan hoặc chỉ để tuân thủ các qui định của luật và/hoặc chính sách công ty trong các trường hợp nhất định tránh các xung đột lợi ích, ví dụ như SHS đang thực hiện tư vấn chiến lược, IPO...

Chưa khuyến nghị: Khuyến nghị đầu tư và giá mục tiêu cho cổ phiếu không được đưa ra do chưa có đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không có hiệu lực đối với cổ phiếu này.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg và FiinGroup.

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tòa nhà SHS, Số 43 Lý Thường Kiệt,
phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô
Quyền, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2 Số 03 Lê Đình
Lý, phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Tel: (84-511)-352 5777

Fax: (84-511)-352 5779

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi
Thị Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ
Chí Minh

Tel: (84-8)-3915 1368

Fax: (84-8)-3915 1369



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

-  Website: shs.com.vn
-  Tel: 84.24.38181888
-  Email: contact@shs.com.vn



GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

App trading: SHTrading

Bảng giá: sboard.shs.com.vn

Web trading: trading.shs.com.vn